TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 376/2021/QĐST-HNGD	*Tân Bình, ngày 25 tháng 5 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 188/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Nguyễn Quốc Việt A, sinh năm 1987; địa chỉ: Đường C, Phường M, quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Bà Đỗ Thị Thu T, sinh năm 1985; địa chỉ: Đường C, Phường M, quận B, Tp. Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 14/02/2014 do Ủy ban nhân dân Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì bà Đỗ Thị Thu T và ông Nguyễn Quốc Việt A là vợ chồng hợp pháp. Ông A, bà T có nơi cư trú tại quận Tân Bình, do dó cả hai nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Thu T và ông Nguyễn Quốc Việt A tự nguyện kết hôn năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp trong quan hệ vợ chồng, không còn quan tâm đến nhau. Bà T và ông A xác định vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được thuận tình ly hôn là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Quốc Gia H1, sinh ngày 24/4/2014 và Nguyễn Đỗ Ngọc Gia H2, sinh ngày 18/7/2019; các bên thỏa thuận giao trẻ H2 cho bà T, giao trẻ H1 cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng và mức cấp dưỡng nuôi con chung do các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Thỏa thuận này phù hợp với quy định pháp luật, có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự khai không có. Tòa án không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Đương sự khai không có. Tòa án không xem xét.

[3] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* do bà T và ông A phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Đỗ Thị Thu T và ông Nguyễn Quốc Việt A thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Quốc Gia H1, sinh ngày 24/4/2014 và Nguyễn Đỗ Ngọc Gia H2, sinh ngày 18/7/2019.

+ Ông A có trách nhiệm giao trẻ H2 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

+ Bà T có trách nhiệm giao trẻ H1 cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

+ Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Anh, bà T do các bên không yêu cầu.

+ Bà Thảo, ông A có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho nhau đến thăm con chung.

+ Vì lợi ích của con chưa thành niên việc nuôi con và cấp dưỡng cho con có thể thay đổi.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* bà T và ông A phải chịu, được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0069222 ngày 24/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông A, bà T đã nộp đủ.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Tân Bình;
- Chi cục THADS Q. Tân Bình;
- UBND Phường T, Q. B, Tp.HCM (GKH số 15 ngày 14/12/2014);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự;

(Đã ký)

Võ Phước Lý